

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc lập, tổ chức thực hiện và theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia, các ngành, lĩnh vực và các địa phương (gọi tắt là kế hoạch đầu tư công).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, tổ chức thực hiện và theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Điều 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến kế hoạch đầu tư công

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước (sau đây gọi là bộ, ngành trung ương), Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức được giao kế hoạch đầu tư công.

2. Cơ quan kế hoạch đầu tư của bộ, ngành trung ương và các cấp chính quyền địa phương là các đơn vị được giao nhiệm vụ lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư của cấp mình quản lý.

3. Các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công.

4. Các cá nhân tham gia vào quá trình lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công gồm các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào các hoạt động tham vấn, đóng góp ý kiến hoặc cung cấp các thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công.

Điều 4. Vốn đầu tư công

1. Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước bao gồm: vốn đầu tư của ngân sách trung ương (bao gồm vốn ODA được cân đối vào ngân sách nhà nước) cho các bộ, ngành trung ương, vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho các địa phương và vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương.

2. Vốn đầu tư từ công trái quốc gia là khoản vốn do Nhà nước vay trực tiếp của người dân bằng một chứng chỉ có kỳ hạn để đầu tư cho các mục tiêu phát triển chung của đất nước.

3. Vốn đầu tư từ trái phiếu Chính phủ là khoản vốn trái phiếu do Chính phủ phát hành để thực hiện một số chương trình, dự án đầu tư quan trọng trong phạm vi cả nước.

4. Vốn đầu tư từ trái phiếu chính quyền địa phương là khoản vốn trái phiếu có kỳ hạn từ một năm trở lên, do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) phát hành để thực hiện một số dự án đầu tư quan trọng của địa phương.

5. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nước ngoài là nguồn vốn viện trợ không hoàn lại, vốn vay và vốn vay ưu đãi của Chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức liên Chính phủ hoặc

liên quốc gia (gọi tắt là các nhà tài trợ). Nguồn vốn này, một phần đưa vào cân đối ngân sách nhà nước tại Khoản 1 Điều này; một phần đưa vào tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để cho vay lại tại Khoản 6 Điều này và các khoản vốn vay của doanh nghiệp, tổ chức tài chính, tín dụng được Chính phủ bảo lãnh.

6. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước là các khoản vốn do Ngân hàng phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay để đầu tư các dự án thuộc đối tượng vay vốn tín dụng đầu tư và tín dụng chính sách, có khả năng thu hồi vốn trực tiếp và trả được nợ vay, không thuộc phạm vi cấp phát của ngân sách nhà nước.

7. Vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước là các khoản vốn đầu tư từ các nguồn thu có tính chất ngân sách nhà nước, như: xổ số kiến thiết, các khoản phí, lệ phí của các bộ, ngành trung ương, các địa phương và các đơn vị sự nghiệp công lập được để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước và sử dụng để đầu tư các dự án.

8. Các khoản vốn vay của ngân sách địa phương được thanh toán từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và thu hồi vốn từ các dự án đầu tư bằng các khoản vốn vay này, bao gồm:

a) Các khoản huy động vốn trong nước theo quy định của Luật NSNN của chính quyền địa phương cấp tỉnh từ nguồn vay vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước, vốn nhân rồi của Kho bạc Nhà nước và huy động từ các nguồn vốn trong nước khác.

b) Vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ là các khoản vay lại vốn của chính quyền địa phương cấp tỉnh từ nguồn hỗ vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Điều 5. Kế hoạch đầu tư công

1. Kế hoạch đầu tư công là một tập hợp các mục tiêu, định hướng, danh mục chương trình, dự án đầu tư công; cân đối nguồn vốn đầu tư công, phương án phân bổ vốn, các giải pháp huy động nguồn lực và triển khai thực hiện.

2. Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

a) Kế hoạch đầu tư công trung hạn được lập trong thời hạn 5 năm, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm.

b) Kế hoạch đầu tư công hằng năm được lập để triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, phù hợp với mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và cân đối vốn đầu tư công hằng năm.

3. Kế hoạch đầu tư công theo ngành, lĩnh vực, gồm:

- a) Công nghiệp;
- b) Nông, lâm nghiệp và thủy sản;
- c) Giao thông;
- d) Cấp thoát nước và xử lý rác thải, nước thải;
- đ) Kho tàng;
- e) Văn hóa;
- g) Thể thao;
- h) Du lịch;
- i) Thông tin và truyền thông, bao gồm phát thanh, truyền hình, thông tấn;
- k) Giáo dục, đào tạo và dạy nghề;
- l) Khoa học, công nghệ;
- m) Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm;
- n) Xã hội;
- o) Tài nguyên và môi trường;
- p) Xây dựng dân dụng, quản lý nhà nước, đầu tư xây dựng trụ sở các bộ, ngành trung ương và các cấp chính quyền địa phương;
- q) Quốc phòng, an ninh;
- r) Các nhiệm vụ chi đầu tư khác.

4. Kế hoạch đầu tư công theo cấp quản lý:

a) Kế hoạch đầu tư công của quốc gia được lập trong trung hạn và hằng năm;

b) Kế hoạch đầu tư công của các bộ, ngành trung ương là kế hoạch đầu tư công theo ngành, lĩnh vực được Chính phủ giao quản lý nhà nước và kế hoạch đầu tư do bộ, ngành trung ương trực tiếp quản lý, được lập trong trung hạn và hằng năm.

c) Kế hoạch đầu tư công của các cấp chính quyền địa phương được lập trong trung hạn và hằng năm do các cấp chính quyền địa phương quản lý.

5. Kế hoạch đầu tư công theo nguồn vốn đầu tư, bao gồm:

a) Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương;

b) Kế hoạch đầu tư vốn cân đối ngân sách địa phương;

c) Kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước;

d) Kế hoạch đầu tư vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ;

đ) Kế hoạch đầu tư vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

e) Kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương;

g) Kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, bao gồm cả phần vốn đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và các khoản vốn vay của doanh nghiệp, tổ chức tài chính, tín dụng được Chính phủ bảo lãnh.

Điều 6. Chương trình đầu tư công

Chương trình đầu tư công là một tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia là chương trình do Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội ở cấp quốc gia trong từng giai đoạn cụ thể trong phạm vi cả nước.

2. Chương trình mục tiêu là chương trình nhằm thực hiện một hoặc một số mục tiêu trong từng ngành, ở một số vùng lãnh thổ trong từng giai đoạn cụ thể. Chương trình mục tiêu phân theo nguồn vốn gồm:

a) Chương trình mục tiêu nguồn ngân sách trung ương, gồm:

- Chương trình mục tiêu đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của các bộ, ngành trung ương;

- Chương trình bổ sung có mục tiêu sử dụng toàn bộ hoặc một phần nguồn vốn ngân sách trung ương để đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho riêng địa phương hoặc của cả các bộ, ngành trung ương và địa phương.

b) Chương trình mục tiêu nguồn cân đối ngân sách địa phương là các chương trình mục tiêu của các cấp chính quyền địa phương sử dụng toàn bộ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của địa phương;

c) Chương trình đầu tư nguồn vốn công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ để thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng trong phạm vi cả nước;

d) Chương trình đầu tư nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để thực hiện một tập hợp các hoạt động, các dự án có liên quan đến nhau và có thể liên quan đến một hoặc nhiều ngành, lĩnh vực, nhiều vùng, lãnh thổ, nhiều bộ, ngành trung ương và địa phương để đạt được một số mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể. Chương trình đầu tư nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài gồm:

- Chương trình kèm theo khung chính sách được thực hiện kèm theo các điều kiện về chính sách, giải pháp cải cách kinh tế vĩ mô, ngành, lĩnh vực do Chính phủ cam kết thực hiện theo một lộ trình nhất định;

- Chương trình do một bộ, ngành trung ương giữ vai trò điều phối chung và các bộ, ngành trung ương và địa phương khác là thành phần thực hiện chương trình;

- Chương trình khu vực, toàn cầu là chương trình được tài trợ bằng vốn ODA và vốn vay ưu đãi cho một nhóm nước thuộc một hay nhiều khu vực địa lý, trong đó có sự tham gia của Việt Nam, để thực hiện các hoạt động hợp tác nhằm đạt được những mục tiêu xác định vì lợi ích của các bên tham gia và lợi ích chung của khu vực hoặc toàn cầu.

đ) Chương trình tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, gồm các chương trình tín dụng đầu tư nhà nước và chương trình tín dụng chính sách do Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam hoặc các tổ chức tài chính, tín dụng khác theo quy định của Chính phủ thực hiện để đầu tư các dự án thuộc đối tượng vay vốn của Chính phủ;

e) Chương trình đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, như: xổ số kiến thiết, các khoản phí, lệ phí để đầu tư một số mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể.

Điều 7. Dự án đầu tư công

1. Dự án đầu tư công bao gồm dự án đầu tư có cấu phần xây dựng và dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công.

2. Dự án đầu tư công được phân loại thành dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C tại các điều 7, 8, 9 và 10 của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật này.

3. Dự án khẩn cấp là dự án đầu tư theo quyết định của cấp có thẩm quyền nhằm khắc phục kịp thời sự cố thiên tai và các trường hợp bất khả kháng khác theo các văn bản pháp luật quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

Điều 8. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công

1. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn bao gồm:

a) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương; chiến lược nợ quốc gia; mục tiêu ưu tiên đầu tư trong kế hoạch 5 năm của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương;

c) Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ và các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt;

d) Nhu cầu và dự báo khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, khả năng cân đối vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư;

đ) Dự báo tác động của tình hình thế giới và trong nước đến sự phát triển và khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư;

e) Cơ chế và chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

2. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công hằng năm bao gồm:

a) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương; kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước;

b) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm;

c) Kế hoạch đầu tư công trung hạn; các nhiệm vụ cấp bách, đột xuất mới phát sinh chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn;

d) Nhu cầu và khả năng cân đối các nguồn vốn để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trong năm kế hoạch.

Điều 9. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

1. Phù hợp với các mục tiêu phát triển quy định tại chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương và các quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác; bảo đảm cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trong từng giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Ưu tiên bố trí vốn cho các ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ theo mục tiêu và định hướng phát triển của từng thời kỳ.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng.

6. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho bộ, ngành và địa phương theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

7. Kế hoạch đầu tư công hằng năm phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt.

Điều 10. Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án

1. Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

2. Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các cấp, các ngành.

4. Trong từng ngành, lĩnh vực, việc bố trí vốn thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư;

b) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

c) Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 5 Điều này.

5. Việc bố trí vốn kế hoạch cho chương trình, dự án khởi công mới phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Chương trình, dự án cần thiết, có đủ điều kiện được bố trí vốn kế hoạch theo quy định tại các điều 13 và 32 của Nghị định này;

b) Sau khi đã bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014;

c) Bảo đảm bố trí đủ vốn để hoàn thành chương trình, dự án theo tiến độ đầu tư đã được phê duyệt.

6. Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho các dự án do cấp mình quản lý để:

a) Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư;

b) Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công.

Không sử dụng vốn ngân sách trung ương, công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn đầu tư công khác của trung ương để chuẩn bị đầu tư các dự án do địa phương quản lý.

7. Dành khoảng 15-20% trong tổng số vốn cân đối trong kế hoạch đầu tư công trung hạn ở cấp trung ương và các cấp chính quyền địa phương để dự phòng xử lý những vấn đề phát sinh, như: trượt giá, đầu tư các dự án khẩn cấp, và một số dự án quan trọng cấp bách có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, của các cấp, các ngành, nhưng chưa có trong danh mục kế hoạch đầu tư trung hạn; các vấn đề phát sinh khác trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Điều 11. Nguyên tắc theo dõi và đánh giá kế hoạch đầu tư công

1. Theo dõi kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm:

a) Theo dõi, cập nhật có hệ thống các thông tin, số liệu liên quan đến việc tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công, bao gồm việc theo dõi các chương trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt;

b) Bảo đảm tính chính xác và phản ánh trung thực các thông tin, số liệu việc tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công;

c) Công khai, minh bạch các thông tin theo dõi kế hoạch.

2. Đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm:

a) Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Bảo đảm tính khách quan, trung thực, đánh giá được hiệu quả đầu tư các chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

c) Phát huy sự phối hợp của cả bộ máy tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và cộng đồng dân cư trong đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch.

Điều 12. Kinh phí lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công

Kinh phí lập, theo dõi và đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp, nguồn kinh phí thường xuyên của các bộ, ngành trung ương và địa phương do ngân sách nhà nước đảm bảo

theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương II **LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG** **TRUNG HẠN VÀ HẰNG NĂM**

Mục 1 **LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ GIAO** **KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**

Điều 13. Điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, trừ các dự án chuẩn bị đầu tư bố trí vốn theo quy định tại Khoản 1, Điều 14 của Nghị định này.
2. Xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn để thực hiện chương trình, dự án.
3. Tuân thủ quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công.

Điều 14. Cân đối vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Vốn chuẩn bị đầu tư: Cân đối vốn chuẩn bị đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để:
 - a) Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư các dự án được giao quản lý dự kiến triển khai trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn sau;
 - b) Lập, thẩm định, quyết định đầu tư các dự án được giao quản lý dự kiến triển khai trong kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và các dự án dự kiến triển khai trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn sau.
 - c) Riêng việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư các dự án khẩn cấp và một số một số dự án quan trọng cấp bách khác có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhưng

chưa có trong danh mục kế hoạch đầu tư trung hạn, sử dụng nguồn dự phòng kế hoạch đầu tư trung hạn theo quy định tại khoản 7, Điều 10 của Nghị định này.

2. Vốn thực hiện dự án, gồm: vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu được bố trí để:

a) Giải phóng mặt bằng;

b) Lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán của dự án hoặc hạng mục của dự án;

c) Thanh toán vốn đầu tư các dự án đã hoàn thành từ ngày 31 tháng 12 năm 2014 trở về trước nhưng chưa được bố trí đủ vốn;

d) Thanh toán vốn thi công các dự án dự kiến hoàn thành, dự án đang thực hiện, dự án khởi công mới;

đ) Thanh, quyết toán các dự án hoàn thành.

Điều 15. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án khẩn cấp sử dụng vốn trong nước nguồn ngân sách nhà nước, công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước: bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn theo đúng tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, Thủ tướng Chính phủ quyết định kéo dài thời gian bố trí kế hoạch vốn của từng dự án.

2. Đối với các dự án nhóm B sử dụng vốn trong nước nguồn ngân sách nhà nước, công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương, sau khi đã hoàn thành nội dung theo quy định tại điểm a, b, khoản 2, Điều 14 của Nghị định này, bố trí vốn để tổ chức thi công với thời gian như sau:

a) Đối với các dự án có tổng mức đầu tư (trừ phần vốn thực hiện các nội dung theo quy định tại điểm a, b, khoản 2, Điều 14 của Nghị định này) đến dưới 800 tỷ đồng, thời gian thi công theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 5 năm;

b) Đối với các dự án có tổng mức đầu tư (trừ phần vốn thực hiện các nội dung theo quy định tại điểm a, b, khoản 2, Điều 14 của Nghị định này) từ 800 tỷ đồng đến dưới 2.300 tỷ đồng, thời gian thi công theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 8 năm;

3. Đối với các dự án nhóm C sử dụng vốn trong nước nguồn ngân sách nhà nước, công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương, sau khi đã hoàn thành nội dung theo quy định tại điểm a, b, khoản 2, Điều 14 của Nghị định này, bố trí vốn để tổ chức thi công theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 3 năm.

4. Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn trong nước nguồn ngân sách nhà nước, công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương, vừa bố trí vốn để giải phóng mặt bằng, lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán của dự án hoặc hạng mục của dự án và tổ chức thi công, bố trí vốn theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 10 năm đối với các dự án nhóm B và tối đa không quá 5 năm đối với các dự án nhóm C. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định kéo dài thời gian bố trí vốn kế hoạch nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước), công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương đối với từng dự án cụ thể;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định kéo dài thời gian bố trí vốn kế hoạch nguồn cân đối ngân sách địa phương, trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương đối với từng dự án cụ thể và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư sau 15 ngày kể từ khi Hội đồng nhân dân thông qua kế hoạch đầu tư trung hạn để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ danh mục các dự án kéo dài thời gian bố trí vốn.

5. Đối với các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thời gian bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn theo:

a) Tiến độ phê duyệt dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi ký kết với các nhà tài trợ nước ngoài;

c) Thời gian gia hạn thực hiện điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi hoặc điều chỉnh (nếu có) hoặc được sự cho phép của nhà tài trợ nước ngoài kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân các nguồn vốn này của dự án.

Riêng đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, ngoài các quy định nêu trên, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kéo dài thời gian thực hiện các dự án này.

6. Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước:

a) Hoàn trả các khoản vốn vay bằng nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này;

b) Hoàn trả các khoản vốn vay không bằng nguồn vốn đầu tư công thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và hợp đồng vay vốn.

Điều 16. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước

1. Thực hiện theo quy định tại các điều 10, 13, 14, các khoản 1, 2, 3, 4 và 5, Điều 15 của Nghị định này.

2. Phù hợp với khả năng cân đối vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư.

3. Thuộc chương trình, nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước đã được phê duyệt.

4. Các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước không do cấp mình quản lý phải được cấp có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

5. Phù hợp nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại Khoản 6, Điều 24 của Nghị định

này.

6. Mức vốn bố trí cho từng chương trình, dự án không vượt quá tổng mức vốn của chương trình, dự án đã được phê duyệt.

Điều 17. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương

1. Thực hiện theo quy định tại các khoản 1 và 6, Điều 16 của Nghị định này.

2. Phù hợp với khả năng cân đối thu, chi ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương, khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư.

3. Thuộc chương trình, nhiệm vụ chi đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương đã được phê duyệt.

4. Phù hợp nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương trong kỳ kế hoạch theo quy định tại Điểm a, Khoản 9, Điều 26 của Nghị định này.

5. Các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương không do cấp mình quản lý phải được cấp có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

Điều 18. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước

1. Thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 3 và 6, Điều 16 và Khoản 3, Điều 17 của Nghị định này.

2. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư.

3. Các dự án sử dụng vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước không do cấp mình quản lý phải được cấp có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

4. Việc phân bổ, lựa chọn danh mục dự án sử dụng vốn đối với từng

nguồn thu cụ thể để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương theo đúng mục tiêu, đối tượng quy định tại Nghị quyết của Quốc hội.

5. Việc phân bổ, lựa chọn danh mục dự án sử dụng vốn đối với từng nguồn thu cụ thể để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương và địa phương theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 19. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ

1. Thực hiện theo quy định tại các điều 10, 13, Khoản 2, Điều 14, các khoản 1, 2, 3, 4 và 5, Điều 15 của Nghị định này.

2. Phù hợp với khả năng huy động vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn.

3. Thuộc đối tượng sử dụng vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ.

4. Đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

5. Phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ theo quy định tại Khoản 6, Điều 24 của Nghị định này..

6. Mức vốn bố trí cho từng chương trình, dự án không vượt quá tổng mức vốn của chương trình, dự án đã được phê duyệt.

Điều 20. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn trái phiếu chính quyền địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư

1. Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 và Khoản 3, Điều 17 của Nghị định này.

2. Phù hợp với khả năng huy động các nguồn vốn trái phiếu chính quyền địa phương và các nguồn vốn vay khác.

3. Bảo đảm khả năng cân đối ngân sách địa phương để hoàn trả vốn trái phiếu chính quyền địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa

phương theo đúng thời gian quy định.

4. Không sử dụng vốn bổ sung có mục tiêu nguồn ngân sách trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ để hoàn trả vốn trái phiếu chính quyền địa phương, các khoản vay khác của ngân sách địa phương.

5. Không sử dụng vốn đầu tư cân đối ngân sách địa phương để trả lãi và phí vốn trái phiếu chính quyền địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương, trừ các khoản lãi và phí được tính trong tổng mức đầu tư của từng dự án đã được phê duyệt.

6. Danh mục dự án sử dụng vốn trái phiếu chính quyền địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương phải thuộc danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn cân đối ngân sách địa phương đã được phê duyệt. Mức vốn bố trí cho các dự án không vượt quá mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn cân đối ngân sách địa phương đã được phê duyệt.

Điều 21. Nguyên tắc lựa chọn danh mục chương trình, dự án và dự kiến bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

1. Thuộc định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

2. Thuộc danh mục Bộ Kế hoạch và Đầu tư lựa chọn đề xuất chương trình, dự án và thông báo cơ quan chủ quản lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

3. Có điều ước quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu đãi được ký kết với các nhà tài trợ nước ngoài.

4. Cân đối đủ vốn đối ứng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo cam kết với nhà tài trợ nước ngoài, phù hợp với khả năng giải ngân thực tế của chương trình, dự án. Trong một số trường hợp được sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài làm vốn đối ứng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ nước ngoài.

5. Đối với các chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và Điều 16 của Nghị định này.

6. Đối với các chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn cân đối ngân sách địa phương thực hiện các quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và Điều 17 của Nghị định này.

7. Đối với các chương trình, dự án áp dụng cơ chế tài chính trong nước theo hình thức cho vay lại trong kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn tín dụng đầu tư thực hiện các quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và Điều 22 của Nghị định này.

8. Đối với các chương trình, dự án khác:

a) Thực hiện các quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này;

b) Được cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay của từng chương trình, dự án;

c) Thực hiện đầy đủ các cam kết và chịu trách nhiệm trả nợ gốc, lãi vay đầy đủ và đúng thời hạn theo Điều ước quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu đãi được ký kết với các nhà tài trợ nước ngoài hoặc hợp đồng vay vốn (đối với các chương trình, dự án vay lại của Chính phủ).

Điều 22. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn vay trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước

1. Dự án phải có khả năng thu hồi vốn, có hiệu quả và khả năng trả nợ, thuộc ngành, lĩnh vực được sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

2. Mức vốn vay nguồn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước không vượt quá giới hạn mức vốn vay của từng dự án theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

3. Đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay của từng dự án.

4. Đối với các dự án hoàn trả một phần vốn vay bằng nguồn vốn ngân sách trung ương ngoài các quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này:

a) Thực hiện các quy định tại Điều 13, Khoản 2 Điều 14 và Điều 15 của Nghị định này;

b) Thuộc danh mục kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương.

5. Đối với các dự án hoàn trả một phần vốn vay bằng nguồn cân đối ngân sách địa phương ngoài các quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này:

a) Thực hiện các quy định tại Điều 13, Khoản 2 Điều 14 và Điều 15 của Nghị định này;

b) Thuộc danh mục kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn cân đối ngân sách địa phương.

Điều 23. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Tình hình triển khai và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn trước.

2. Mục tiêu phát triển trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm; mục tiêu, định hướng đầu tư trong trung hạn.

3. Khả năng huy động và cân đối các nguồn vốn; dự kiến tổng số vốn đầu tư để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực trong trung hạn, bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án, hoàn trả các khoản ứng trước, hoàn trả các khoản vốn vay khác của ngân sách để đầu tư.

4. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn.

5. Sắp xếp thứ tự ưu tiên, lựa chọn danh mục dự án và mức vốn bố trí cụ thể cho từng dự án trong trung hạn phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm.

6. Giải pháp thực hiện và dự kiến kết quả đạt được.

Điều 24. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn của quốc gia

1. Trước ngày 31 tháng 3 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, trên cơ sở các mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, bao gồm mục tiêu, định hướng đầu tư và giao nhiệm vụ triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn.

2. Căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, trước ngày 15 tháng 5 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và

Đầu tư hướng dẫn các bộ, ngành trung ương và địa phương về mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.

3. Căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành trung ương và địa phương hướng dẫn và tổ chức lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại các khoản 2 và 3, Điều 25 và các khoản 2, 3 và 4, Điều 26 Nghị định này.

4. Trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của bộ, ngành trung ương và địa phương.

5. Trước ngày 31 tháng 01 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến thu, chi ngân sách nhà nước giai đoạn sau; khả năng huy động nguồn vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ; tốc độ tăng bình quân dư nợ tín dụng đầu tư nhà nước và tín dụng chính sách.

6. Trước ngày 31 tháng 3 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, trên cơ sở danh mục các chương trình được Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư và Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư giai đoạn sau, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ giai đoạn sau.

7. Từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 4 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ vốn:

a) Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương;

b) Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi từ các nhà tài trợ nước ngoài của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

8. Trên cơ sở ý kiến thẩm định về kế hoạch đầu tư công trung hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của bộ, ngành trung ương và địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

9. Trước ngày 31 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn báo cáo Chính phủ.

10. Trước ngày 10 tháng 9 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Chính phủ thảo luận kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, gồm:

a) Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước, trong đó: chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương;

b) Kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước;

c) Kế hoạch đầu tư vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ;

d) Kế hoạch đầu tư vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

đ) Kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

11. Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh và báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định:

a) Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, trong đó: chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương; Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ; Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trước ngày 30 tháng 9 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước để làm căn cứ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định;

b) Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước; Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước trước ngày 15 tháng 11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước để làm căn cứ giao kế hoạch đầu tư trung hạn các nguồn vốn này.

12. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ tại Điểm a, Khoản 11 Điều này trước ngày 20 tháng 10 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh và thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ báo cáo Quốc hội kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, gồm:

- a) Mục tiêu, định hướng đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ của cả nước;
- b) Tổng mức vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước;
- c) Tổng mức vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ;
- d) Danh mục chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia;
- đ) Giải pháp, chính sách chủ yếu để thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Điều 25. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn của các bộ, ngành trung ương

1. Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia và các ngành, lĩnh vực trong giai đoạn tiếp theo; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành trung ương giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư chuẩn bị trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

2. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc sử dụng vốn đầu tư công căn cứ hướng dẫn tại Khoản 1 Điều này:

a) Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao, không bao gồm phần dự phòng theo quy định tại Khoản 7, Điều 10 của Nghị định này;

b) Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét dự kiến kế hoạch đầu tư công giai đoạn sau trước ngày 15 tháng 9 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước và gửi cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư trước ngày 15 tháng 10 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

3. Cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư tổ chức thẩm định phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của các cơ quan, đơn vị

trực thuộc trước ngày 15 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước và báo cáo người đứng đầu các bộ, ngành trung ương.

4. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau theo kết luận của người đứng đầu các bộ, ngành trung ương và gửi cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư trước ngày 30 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

5. Cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư:

a) Tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau và tổ chức tham vấn lấy ý kiến các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau thuộc ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách và của bộ, ngành mình.

b) Trình cấp có thẩm quyền xem xét, hoàn chỉnh dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo thời gian quy định tại Khoản 4, Điều 24 của Nghị định này;

c) Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định tại khoản 7, Điều 24 của Nghị định này, hoàn chỉnh và trình cấp có thẩm quyền dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo thời gian quy định tại Khoản 8, Điều 24 của Nghị định này.

Điều 26. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương

1. Trước ngày 15 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia, các ngành, lĩnh vực và của địa phương trong giai đoạn tiếp theo; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì chuẩn bị và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Chỉ thị hướng dẫn cho các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân cấp dưới lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh căn cứ Chỉ thị hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công trung hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại khoản 1 Điều này:

a) Giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

b) Tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

c) Cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước ngày 15 tháng 9 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 10 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ Chỉ thị hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công trung hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Khoản 1 Điều này:

a) Giao cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý;

b) Tổ chức thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình;

c) Giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư tổng hợp, hoàn chỉnh dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn trình Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước ngày 15 tháng 9 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

d) Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15 tháng 10 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư kế hoạch đầu tư công trung hạn do cấp mình quản lý.

- Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện kế hoạch đầu tư công trung hạn do cấp mình quản lý theo thời gian quy định tại Chỉ thị hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công trung hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trực tiếp một số nguồn vốn đầu tư công của cấp trên, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn này theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều này và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp tỉnh phân cấp quản lý trước ngày 15 tháng 10 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định hoặc giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn của sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp dưới trước ngày 15 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

5. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp dưới hoàn chỉnh dự thảo lần thứ hai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao trình cấp có thẩm quyền tại Điểm c, Khoản 2 và Điểm c, Khoản 3 Điều này cho ý kiến, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư lập và tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp trước ngày 30 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước để xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trình xin ý kiến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước ngày 10 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

8. Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo thời gian quy định tại Khoản 4, Điều 24 của Nghị định này.

9. Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 5 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn trung hạn sau; trên cơ sở danh mục các chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư; căn cứ mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn trung hạn sau do địa phương quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

xin ý kiến Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước khi ban hành Quyết định;

b) Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn chỉnh dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 5 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

c) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp trước ngày 15 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

d) Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định tại Khoản 8, Điều 24 của Nghị định này.

Điều 27. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện theo quy định tại các điều 9, 16, 19 và Khoản 5, Điều 21 của Nghị định này.

2. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện theo quy định tại các điều 24, 25 và 26 của Nghị định này.

3. Trước ngày 25 tháng 10 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ cho các bộ, ngành trung ương và địa phương theo mức vốn Chính phủ đã báo cáo Quốc hội tại Khoản 12, Điều 24 Nghị định này.

4. Các bộ, ngành trung ương dự kiến danh mục và mức vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn sau:

a) Căn cứ dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước tại Điểm c, Khoản 5, Điều 25 của Nghị định này và dự kiến mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn được thông báo tại Khoản 3 Điều này, người đứng đầu các bộ, ngành trung ương giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư dự kiến danh mục và mức kế hoạch vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ trung hạn cho từng dự án thuộc bộ, ngành trung ương quản lý báo cáo cấp có thẩm quyền trước ngày 10 tháng 11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

b) Người đứng đầu các bộ, ngành trung ương thông qua phương án phân bổ cụ thể và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

5. Các địa phương dự kiến danh mục và mức vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn sau của:

a) Căn cứ dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước tại Điểm d, Khoản 9, Điều 26 của Nghị định này và dự kiến mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn được thông báo tại Khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân cấp dưới dự kiến chi tiết kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (bao gồm chi tiết danh mục và mức vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương), vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ trung hạn cho từng dự án thuộc địa phương quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét trước ngày 10 tháng 11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ của từng dự án thuộc địa phương quản lý và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

6. Trường hợp Quốc hội thông qua kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ khác với dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn do Chính phủ trình:

a) Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày Quốc hội quyết định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo kế hoạch đầu tư trung hạn điều chỉnh vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn sau cho các bộ, ngành trung ương và địa phương theo mức vốn Quốc hội quyết định;

b) Các bộ, ngành trung ương và địa phương hoàn chỉnh phương án phân bổ cụ thể theo quy trình tại các khoản 4 và 5 Điều này và thời gian gửi kế hoạch theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Điểm a Khoản này.

7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ của các bộ, ngành trung ương và địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 05 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

8. Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ:

a) Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, trước ngày 10 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ cho các bộ, ngành trung ương và địa phương, gồm: Tổng số và mức vốn theo ngành, lĩnh vực, chương trình nguồn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ; Danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ;

b) Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, trước ngày 31 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ cho từng dự án của các bộ, ngành trung ương và địa phương;

c) Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trước ngày 15 tháng 01 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn, người đứng đầu các bộ, ngành trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ của từng dự án cho các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Điều 28. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư thực hiện theo quy định tại các điều 9, 17, 18, 20 và Khoản 6, Điều 21 của Nghị định này.

2. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư thực hiện theo quy định tại các điều 24 và 26 của Nghị định này.

3. Trước ngày 10 tháng 11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư giai đoạn sau, bao gồm danh mục chương trình, dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn.

4. Trước ngày 20 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư giai đoạn sau, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn.

5. Trước ngày 25 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục và mức vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương bố trí cho từng dự án.

6. Trước ngày 31 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân các cấp giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư giai đoạn sau cho các đơn vị thực hiện.

Điều 29. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 9, các khoản 1, 2, 3 và 5, Điều 18 và Khoản 8, Điều 21 của Nghị định này.

2. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại các điều 24 và 25 của Nghị định này.

3. Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tại Điểm b, Khoản 11, Điều 24 của Nghị định này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương trước ngày 10 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

4. Căn cứ Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, trước ngày 31 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương.

5. Căn cứ Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trước ngày 15 tháng 01 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn, người đứng đầu các bộ, ngành trung ương thông báo kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của từng dự án cho các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Điều 30. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định tại điều 9, 21 của Nghị định này và các nguyên tắc, yêu cầu sau:

a) Phải được xây dựng trên cơ sở kế hoạch thực hiện chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tiến độ cam kết với nhà tài trợ nước ngoài.

b) Phải thể hiện các nội dung theo từng hợp phần; từng hoạt động chính của chương trình, dự án; từng nguồn vốn tài trợ, vốn đối ứng, các nguồn vốn khác; báo cáo thuyết minh cơ sở, căn cứ tính toán từng hạng mục;

c) Đối với chương trình, dự án hỗn hợp sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp, cơ quan quản lý lập và trình kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn đối ứng chia theo từng nội dung chi của chương trình, dự án;

d) Đối với chương trình, dự án do nhiều cơ quan quản lý, từng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm lập kế hoạch cho phần dự án do cơ quan, đơn vị thực hiện. Trường hợp có cơ quan đầu mối điều phối chung, cơ quan điều phối chung chịu trách nhiệm tổng hợp kế hoạch tổng thể của chương trình, dự án;

đ) Lập kế hoạch đầu tư tổng thể chương trình, dự án:

- Cho toàn bộ thời gian thực hiện chương trình, dự án và phải bao gồm tất cả các hợp phần, hạng mục, nhóm hoạt động, nguồn lực và tiến độ thực hiện;

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ký kết Điều ước quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, căn cứ vào văn kiện chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, chủ chương trình, chủ đầu tư phối hợp với nhà tài trợ lập hoặc rà soát, cập nhật kế hoạch đầu tư tổng thể trình cơ quan chủ quản xem xét và phê duyệt;

- Đối với chương trình, dự án có nhiều dự án thành phần, kế hoạch đầu tư của chương trình, dự án bao gồm kế hoạch đầu tư tổng thể và kế hoạch chi tiết của các dự án thành phần. Người đứng đầu cơ quan chủ quản chương trình, dự án phê duyệt kế hoạch đầu tư tổng thể của chương trình, dự án;

người đứng đầu cơ quan chủ quản dự án thành phần phê duyệt kế hoạch đầu tư của dự án thành phần;

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phê duyệt kế hoạch đầu tư của chương trình, dự án, cơ quan chủ quản gửi quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch đầu tư của chương trình, dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan và nhà tài trợ phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án.

2. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định tại các điều 24, 25 và 26 của Nghị định này.

3. Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:

a) Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được cân đối trong ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Nghị định này;

b) Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài áp dụng cơ chế tài chính trong nước theo hình thức cho vay lại thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này và các quy định khác của Chính phủ;

c) Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài các dự án khác quy định tại Khoản 8, Điều 21 của Nghị định này thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 31. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn đầu tư vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thực hiện theo quy định tại các điều 9, Khoản 7, Điều 21 và Điều 22 của Nghị định này.

2. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thực hiện theo quy định tại các điều 24, 25 và 26 của Nghị định này.

3. Các bộ, ngành trung ương và địa phương dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính

sách xã hội theo quy định tại điểm b, c, Khoản 5, Điều 25 và khoản 8, điểm d, khoản 9, Điều 26 của Nghị định này.

4. Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội tổng hợp báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch và báo cáo theo quy định tại các khoản 9, 10 và Điểm b, Khoản 11, Điều 24 của Nghị định này.

6. Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thực hiện như sau:

a) Trước ngày 10 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ giao tổng mức kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước giai đoạn sau cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Trước ngày 31 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước giai đoạn sau theo ngành, lĩnh vực, chương trình cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội và các bộ, ngành trung ương và địa phương đối với các khoản vốn vay trong nước hoàn trả bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Mục 2

LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG HÀNG NĂM

Điều 32. Điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm

1. Chương trình, dự án phải có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch.

2. Chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.

3. Có điều ước quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu đãi được ký kết đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

4. Dự án khởi công mới chỉ được bố trí vốn khi đã được cấp có thẩm

quyền phê duyệt quyết định đầu tư trước ngày 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch và các thủ tục đầu tư khác theo quy định của Chính phủ.

5. Các dự án khẩn cấp và một số dự án quan trọng cấp bách có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các cấp, các ngành phát sinh trong kế hoạch đầu tư hằng năm được bổ sung danh mục vào kế hoạch đầu tư công trung hạn bố trí vốn từ nguồn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại Khoản 7, Điều 10 của Nghị định này:

a) Được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo Nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Đầu tư công;

b) Được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư trước ngày 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch và các thủ tục đầu tư khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 33. Cân đối vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công hằng năm

1. Cân đối vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công hằng năm cho các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại các điểm a, b, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 15 của Nghị định này và không vượt quá tổng mức kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền giao.

2. Đối với các dự án khẩn cấp và một số dự án quan trọng cấp bách có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, của các cấp, các ngành quy định tại Khoản 3, Điều 7 của Nghị định này cân đối vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án từ nguồn dự phòng theo quy định tại Khoản 7, Điều 10, và Điểm c, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 14 của Nghị định này.

Điều 34. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước

1. Thực hiện theo quy định tại các điều 9, 10, 32 và 33 của Nghị định này.

2. Phù hợp với khả năng cân đối kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn từ

nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư.

3. Phù hợp với tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư hằng năm của từng dự án.

4. Mức vốn bố trí cho từng chương trình, dự án không vượt quá tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn đã được phê duyệt.

5. Đối với các dự án khẩn cấp quy định tại Khoản 5, Điều 32 của Nghị định này:

a) Thuộc chương trình, nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước;

b) Phù hợp nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công theo quy định tại Khoản 6, Điều 24 và Điểm a, Khoản 9, Điều 26 của Nghị định này.

Điều 35. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư hằng năm vốn trái phiếu chính quyền địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư

1. Thực hiện theo quy định tại các điều 9, 10, 32 và 33 của Nghị định này.

2. Phù hợp với khả năng huy động vốn trái phiếu chính quyền địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư.

3. Bảo đảm khả năng cân đối ngân sách địa phương để hoàn trả vốn trái phiếu chính quyền địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương theo đúng thời gian quy định.

4. Danh mục dự án sử dụng vốn trái phiếu chính quyền địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương phải thuộc danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn cân đối ngân sách địa phương đã được phê duyệt.

5. Mức vốn bố trí cho các dự án không vượt quá mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn cân đối ngân sách địa phương đã được phê duyệt.

Điều 36. Nguyên tắc lựa chọn danh mục chương trình, dự án và dự kiến bố trí vốn kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

1. Thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với các dự án bổ sung mới trong kế hoạch đầu tư hằng năm phải có điều ước quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu đãi được ký kết với các nhà tài trợ nước ngoài.

3. Theo tiến độ triển khai thực hiện dự án và tiến độ cấp vốn của các nhà tài trợ nước ngoài đã cam kết.

4. Đối với các chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các khoản 1, 2 và 3 Điều này và Điều 34 của Nghị định này.

5. Đối với các chương trình, dự án áp dụng cơ chế tài chính trong nước theo hình thức cho vay lại trong kế hoạch đầu tư nguồn vốn tín dụng đầu tư thực hiện các quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này và Điều 37 của Nghị định này.

6. Đối với các chương trình, dự án khác theo quy định tại Khoản 8, Điều 21 thực hiện các quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này và các điểm b, c, Khoản 8, Điều 21 của Nghị định này.

Điều 37. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn vay trong kế hoạch đầu tư hằng năm nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước

1. Thực hiện các quy định tại Điều 22 của Nghị định này.

2. Phù hợp với tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân của dự án trong năm kế hoạch.

3. Trong tổng mức kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 38. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công hằng năm

1. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

2. Định hướng đầu tư công kế hoạch năm sau.

3. Khả năng huy động và cân đối các nguồn vốn thực hiện trong năm

kế hoạch năm sau.

4. Lựa chọn danh mục dự án và mức vốn bố trí cụ thể cho từng dự án phù hợp với danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và khả năng cân đối nguồn vốn kế hoạch đầu tư năm sau.

5. Chi tiết danh mục các dự án khẩn cấp và dự án quan trọng cấp bách khác quy định tại Khoản 3, Điều 7 của Nghị định này phát sinh trong kế hoạch năm sau cần bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại Khoản 7, Điều 10 của Nghị định này.

6. Giải pháp điều hành, tổ chức thực hiện kế hoạch và dự kiến kết quả đạt được.

Điều 39. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm của quốc gia

1. Trước ngày 15 tháng 5 năm trước, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau, bao gồm mục tiêu, định hướng chủ yếu và giao nhiệm vụ triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công năm sau.

2. Trước ngày 15 tháng 6 năm trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, ngành trung ương và địa phương kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

3. Trước ngày 30 tháng 6 năm trước, các bộ, ngành trung ương và địa phương hướng dẫn cơ quan, đơn vị cấp dưới lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

4. Trước ngày 31 tháng 7 năm trước, các bộ, ngành trung ương và địa phương dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm danh mục đầu tư và dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án; dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn gửi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

5. Trước ngày 15 tháng 8 năm trước, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến khả năng thu, chi ngân sách nhà nước và chi đầu tư vốn ngân sách nhà nước, phát hành công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm sau báo cáo Chính phủ.

6. Trước ngày 31 tháng 8 năm trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm sau từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ; vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương và địa phương.

7. Trước ngày 10 tháng 9 năm trước, sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành trung ương và địa phương hoàn thiện dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công năm sau và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

8. Trước ngày 20 tháng 9 năm trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau của quốc gia báo cáo Thủ tướng Chính phủ, bao gồm:

a) Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước, trong đó: chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương;

b) Kế hoạch đầu tư vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ;

c) Kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

d) Kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước;

đ) Kế hoạch đầu tư vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

9. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về các nội dung quy định tại Điểm a, Khoản 8 Điều này, trước ngày 20 tháng 10 năm trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh và thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ báo cáo Quốc hội kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm sau, bao gồm:

a) Tổng mức vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương và địa phương;

b) Danh mục chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia (nếu có);

c) Giải pháp, chính sách chủ yếu để thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước.

Điều 40. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm của các bộ, ngành trung ương

1. Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia và các ngành, lĩnh vực; kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chỉ thị Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 39 của Nghị định này, các bộ, ngành Trung ương giao cơ quan chuyên môn chuẩn bị trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công năm sau cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

2. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc sử dụng vốn đầu tư công căn cứ hướng dẫn tại Khoản 1 Điều này:

a) Lập kế hoạch đầu tư công năm sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

b) Báo cáo cơ quan cấp trên xem xét kế hoạch đầu tư công năm sau trước ngày 10 tháng 7 năm trước và gửi cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư trước ngày 15 tháng 7 năm trước.

3. Cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư tổ chức thẩm định phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công năm sau của các cơ quan, đơn vị trực thuộc trước ngày 20 tháng 7 năm trước và báo cáo người đứng đầu các bộ, ngành trung ương.

4. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công năm sau theo kết luận của người đứng đầu các bộ, ngành trung ương và gửi cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư trước ngày 25 tháng 7 năm trước.

5. Cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư:

a) Tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau thuộc ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách và của bộ, ngành mình.

b) Trình cấp có thẩm quyền xem xét, hoàn chỉnh dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công năm sau và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo thời gian quy định tại Khoản 4, Điều 39 của Nghị định này;

c) Căn cứ ý kiến thẩm định kế hoạch đầu tư công năm sau theo quy định tại Khoản 6, Điều 39 của Nghị định này, hoàn chỉnh và trình cấp có thẩm quyền dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công năm sau gửi Bộ Kế hoạch và

Đầu tư, Bộ Tài chính theo thời gian quy định tại Khoản 7, Điều 39 của Nghị định này.

Điều 41. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương

1. Trước ngày 30 tháng 6 năm trước, căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia, các ngành, lĩnh vực và của địa phương năm sau; kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương được cấp có thẩm quyền quyết định; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định tại khoản 1 và 2 Điều 39 Nghị định này, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì chuẩn bị và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Chỉ thị hướng dẫn cho các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân cấp dưới lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh căn cứ Chỉ thị hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công năm sau của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Khoản 1 Điều này:

a) Giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư lập kế hoạch đầu tư công năm sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

b) Tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư công năm sau;

c) Cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch đầu tư công năm sau báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước ngày 10 tháng 7 năm trước và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 7 năm trước.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ Chỉ thị hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công năm sau của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Khoản 1 Điều này:

a) Giao cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý lập kế hoạch đầu tư công năm sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý;

b) Tổ chức thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình;

c) Giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư tổng hợp, hoàn chỉnh dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công năm sau trình Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước ngày 10 tháng 7 năm trước;

d) Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Thường trực

Hội đồng nhân dân cùng cấp:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15 tháng 7 năm trước gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công năm sau do cấp mình quản lý.

- Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện kế hoạch đầu tư công năm sau do cấp mình quản lý theo thời gian quy định tại Chỉ thị hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trực tiếp một số nguồn vốn đầu tư công, thì lập kế hoạch đầu tư công năm sau nguồn vốn này theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều này và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch đầu tư công năm sau của sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp dưới trước ngày 20 tháng 7 năm trước.

5. Các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân cấp dưới hoàn chỉnh dự thảo lần thứ hai kế hoạch đầu tư công năm sau thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao trình cấp có thẩm quyền tại Điểm c, Khoản 2 và Điểm c, Khoản 3 Điều này cho ý kiến gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 22 tháng 7 năm trước.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 25 tháng 7 năm trước để xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công năm sau trình xin ý kiến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước ngày 28 tháng 7 năm trước.

8. Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công năm sau và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo thời gian quy định tại khoản 4, Điều 39 của Nghị định này.

9. Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn chỉnh dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến và gửi Ủy

ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 05 tháng 9 năm trước;

c) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp trước ngày 8 tháng 9 năm trước;

d) Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công năm sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định tại Khoản 7, Điều 39 của Nghị định này.

Điều 42. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Khoản 4, Điều 36 của Nghị định này.

2. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện theo quy định tại các điều 39, 40 và 41 của Nghị định này.

3. Trước ngày 20 tháng 10 năm trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho các bộ, ngành trung ương và địa phương dự kiến kế hoạch đầu tư năm sau:

a) Vốn ngân sách trung ương theo mức vốn Chính phủ đã báo cáo Quốc hội tại Khoản 9, Điều 39 Nghị định này;

b) Vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ theo mức Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Các bộ, ngành trung ương dự kiến danh mục và mức vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ trong kế hoạch đầu tư năm sau:

a) Căn cứ kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ đã được cấp có thẩm quyền quyết định và dự kiến mức vốn kế hoạch đầu tư năm sau được thông báo tại Khoản 3 Điều này, người đứng đầu các bộ, ngành trung ương giao cơ quan chuyên

môn quản lý về đầu tư dự kiến danh mục và mức kế hoạch vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ năm sau cho từng dự án thuộc bộ, ngành trung ương quản lý báo cáo cấp có thẩm quyền trước ngày 10 tháng 11 năm trước;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, ngành trung ương thông qua phương án phân bổ cụ thể và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 11 năm trước.

5. Các địa phương dự kiến danh mục và mức vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ trong kế hoạch năm sau:

a) Căn cứ kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ đã được cấp có thẩm quyền quyết định và dự kiến mức vốn kế hoạch đầu tư năm sau được thông báo tại Khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân cấp dưới dự kiến chi tiết kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (bao gồm chi tiết danh mục và mức vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương), vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ năm sau cho từng dự án thuộc địa phương quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét trước ngày 10 tháng 11 năm trước;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến dự kiến kế hoạch năm sau vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ của từng dự án thuộc địa phương quản lý và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 11 năm trước.

6. Trường hợp Quốc hội thông qua kế hoạch năm sau vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ khác với dự kiến kế hoạch đầu tư do Chính phủ trình:

a) Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày Quốc hội quyết định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo kế hoạch đầu tư điều chỉnh vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ năm sau cho các bộ, ngành trung ương và địa phương theo mức vốn Quốc hội quyết định;

b) Các bộ, ngành trung ương và địa phương hoàn chỉnh phương án phân bổ cụ thể theo quy trình tại các khoản 4 và 5 Điều này, gửi báo cáo kế hoạch đã hoàn chỉnh theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Điểm a, Khoản này.

7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ năm sau của các bộ, ngành trung ương và địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 05 tháng 12 năm trước.

8. Giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ:

a) Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, trước ngày 30 tháng 11 năm trước, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm sau theo tổng mức vốn đã được Quốc hội quyết định cho các bộ, ngành trung ương và địa phương.

b) Trước ngày 15 tháng 12 năm trước, Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ năm sau cho các bộ, ngành trung ương và địa phương, gồm: Tổng số và mức vốn theo ngành, lĩnh vực, chương trình theo từng nguồn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ; Danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ;

c) Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, trước ngày 20 tháng 12 năm trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chi tiết kế hoạch đầu tư năm sau vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ cho từng dự án của các bộ, ngành trung ương và địa phương;

d) Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trước ngày 31 tháng 12 năm trước, người đứng đầu các bộ, ngành trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ năm sau của từng dự án cho các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Điều 43. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư năm sau vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư thực hiện theo quy định tại các điều 34 và 35 của Nghị định này.

2. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư năm sau vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư thực hiện theo quy định tại các điều 39 và 41 của Nghị định này.

3. Trước ngày 20 tháng 11 năm trước, Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch đầu tư năm sau vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn.

4. Trước ngày 10 tháng 12 năm trước, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư năm sau vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công năm sau, danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn.

5. Trước ngày 20 tháng 12 năm trước, Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định kế hoạch đầu tư năm sau của cấp mình, bao gồm: tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công năm sau; danh mục và mức vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương bố trí cho từng dự án.

6. Trước ngày 31 tháng 12 năm trước, Ủy ban nhân dân các cấp giao kế hoạch đầu tư năm sau vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư cho các đơn vị thực hiện.

Điều 44. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư hằng năm vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Nghị định này.

2. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư hằng năm vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại các điều 39 và 40 của Nghị định này.

3. Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tại Điểm d, Khoản 8, Điều 39 của Nghị định này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư năm sau vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương trước ngày 15 tháng 12 năm trước.

4. Căn cứ Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chi tiết kế hoạch đầu tư năm sau vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương.

5. Căn cứ Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 12 năm trước, người đứng đầu các bộ, ngành trung ương thông báo kế hoạch đầu tư năm sau vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm sau của từng dự án cho các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Điều 45. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Nghị định này.

2. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định tại các điều 39, 40 và 41 của Nghị định này.

3. Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:

a) Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được cân đối trong ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Nghị định này;

b) Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài áp dụng cơ chế tài chính trong nước theo hình thức cho vay lại thực hiện theo quy định tại Điều 46 của Nghị định này và các quy định khác của Chính phủ;

c) Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài các dự án khác thực hiện theo quy định của Chính phủ và của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 46. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư hằng năm vốn đầu tư vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Nghị định này.

2. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư hằng năm vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thực hiện theo quy định tại các điều 39, 40 và 41 của Nghị định này.

3. Các bộ, ngành trung ương và địa phương dự kiến kế hoạch đầu tư năm sau vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội theo thời gian quy định tại Khoản 4, Điều 39 của Nghị định này.

4. Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội tổng hợp báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư năm sau vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn tín dụng chính sách gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 8 năm trước.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch và báo cáo theo quy định tại Khoản 8, Điều 39 của Nghị định này.

6. Giao kế hoạch đầu tư vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước năm sau thực hiện như sau:

a) Trước ngày 15 tháng 12 năm trước, Thủ tướng Chính phủ giao tổng mức kế hoạch đầu tư năm sau vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Trước ngày 31 tháng 12 năm trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao kế hoạch đầu tư năm sau vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội và các bộ, ngành trung ương và địa phương vay vốn cho các dự án hoàn trả một phần vốn vay bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

c) Trước ngày 31 tháng 01 năm trước, các bộ, ngành trung ương và địa phương phân bổ kế hoạch năm phần vốn vay cho các dự án hoàn trả một phần vốn vay bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các đơn vị triển khai thực hiện.

Chương III

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, THANH TRA KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG

Mục 1

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 47. Tổ chức điều hành kế hoạch đầu tư công

1. Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm Chính phủ ban hành Nghị quyết chỉ đạo điều hành:

a) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, trong đó quy định các giải pháp tổ chức, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn;

b) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, trong đó quy định các giải pháp tổ chức, thực hiện kế hoạch đầu tư công hằng năm.

2. Căn cứ nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cấp có thẩm quyền, nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, các bộ, ngành trung ương và địa phương, các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công quyết định các giải pháp tổ chức điều hành kế hoạch đầu tư công thuộc nguồn vốn do cấp mình quản lý.

3. Thủ tướng Chính phủ quy định điều phối, lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các chương trình đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ của các bộ, ngành trung ương, địa phương và cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công nhưng không làm thay đổi mục tiêu của chương trình, dự án.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều phối, lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư, nhưng không làm thay đổi mục tiêu chương trình, dự án.

Điều 48. Chấp hành kế hoạch đầu tư công

1. Bộ, ngành trung ương và các cấp chính quyền địa phương thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công theo thời gian quy định và đúng Quyết định giao kế hoạch của cấp có thẩm quyền và theo phân cấp quản lý nguồn vốn.

2. Báo cáo tình hình thông báo và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm:

a) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tình hình thông báo và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của bộ, ngành trung ương và địa phương;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình giao kế hoạch đầu tư công trung hạn trước ngày 31 tháng 3 năm đầu tiên của kế hoạch đầu tư công trung hạn và trước ngày 31 tháng 3 hằng năm đối với kế hoạch đầu tư công năm của bộ, ngành trung ương và địa phương

3. Cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình thực hiện kế hoạch theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc để bảo đảm việc giao, chấp hành kế hoạch đầu tư công theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 49. Triển khai kế hoạch đầu tư công

1. Bộ, ngành trung ương và các cấp chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công:

a) Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công đúng mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ và kế hoạch vốn đã được cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Lập kế hoạch đấu thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc dự án được bố trí vốn theo kế hoạch đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền quyết định;

d) Tổ chức nghiệm thu và thanh toán, quyết toán theo đúng hợp đồng đối với gói thầu đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng;

đ) Cân đối các nguồn vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014;

e) Bảo đảm phạm vi, quy mô đầu tư của từng dự án thực hiện theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được phê duyệt và theo kế hoạch vốn đã được bố trí;

g) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đầu tư công.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Ban hành hoặc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các Chỉ thị quy định chi tiết việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn hoặc hằng năm khi cần thiết.

3. Bộ Tài chính bảo đảm thanh toán đủ vốn theo kế hoạch đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 50. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Chính phủ trình Quốc hội quyết định điều chỉnh tổng thể kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ trong các trường hợp sau:

a) Do điều chỉnh mục tiêu của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế -

xã hội của quốc gia;

b) Do thay đổi đột biến về cân đối ngân sách nhà nước hoặc khả năng huy động các nguồn vốn.

2. Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh:

a) Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ giữa các bộ, ngành trung ương và địa phương trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn đã được Quốc hội quyết định;

b) Bổ sung danh mục chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn đã được Quốc hội quyết định.

3. Thủ tướng Chính phủ căn cứ tình hình cụ thể trong kỳ kế hoạch quyết định điều chỉnh:

a) Tổng số và mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương theo ngành, lĩnh vực, chương trình trong tổng mức vốn của từng bộ, ngành trung ương và địa phương đã được Quốc hội quyết định;

b) Mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương, công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ của từng dự án được giao theo quy định tại Khoản 8, Điều 27 của Nghị định này trong tổng mức vốn của từng bộ, ngành trung ương và địa phương đã được Quốc hội quyết định;

c) Bổ sung danh mục dự án quy định tại các điểm b và c Khoản 2, Điều 56 của Nghị định này sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ theo trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ trong tổng mức vốn của từng bộ, ngành trung ương và địa phương đã được Quốc hội quyết định.

d) Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài trong nội bộ các bộ, ngành trung ương và địa phương;

đ) Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

e) Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương.

4. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương;

c) Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch đầu tư hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương.

5. Hội đồng nhân dân các cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định:

a) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương thuộc cấp mình quản lý giữa các đơn vị sử dụng các nguồn vốn này trong tổng số kế hoạch đã được phê duyệt;

b) Bổ sung danh mục dự án quy định tại các điểm b và c Khoản 4, Điều 56 của Nghị định này sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư trong tổng mức vốn của từng đơn vị sử dụng đã được Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.

5. Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị sử dụng các nguồn vốn này trong tổng mức vốn của từng đơn vị sử dụng đã được Hội đồng nhân dân các cấp quyết định;

b) Báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp việc điều chỉnh kế hoạch của các đơn vị tại kỳ họp gần nhất.

Điều 51. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm

1. Chính phủ trình Quốc hội quyết định điều chỉnh tổng thể kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ trong các trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 50 của Nghị định này.

2. Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước giữa các bộ, ngành trung ương và địa phương trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn kế hoạch đầu tư hằng năm đã được Quốc hội quyết định.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh:

a) Kế hoạch đầu tư hằng năm vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ giữa các bộ, ngành trung ương và địa phương trong trường hợp không vượt quá tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn của từng bộ, ngành trung ương và địa phương đã được Quốc hội quyết định;

b) Tổng số và mức vốn kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình trong tổng mức vốn của từng bộ, ngành trung ương và địa phương hằng năm đã được Quốc hội quyết định;

c) Bổ sung danh mục dự án đã có trong danh mục dự án đầu tư trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, nhưng chưa được giao kế hoạch tại Khoản 8, Điều 42 của Nghị định này trong tổng mức vốn của từng bộ, ngành trung ương và địa phương đã được Quốc hội quyết định.

d) Kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài trong nội bộ các bộ, ngành trung ương và địa phương;

đ) Kế hoạch đầu tư hằng năm vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

e) Kế hoạch đầu tư hằng năm vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ giữa các dự án trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của từng bộ, ngành trung ương và địa phương, nhưng không được vượt quá tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn của từng dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm trước vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ quy định tại Điểm a, Khoản này.

5. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư trong các trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều 50 của Nghị định này.

6. Hội đồng nhân dân các cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định:

a) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương thuộc cấp mình quản lý giữa các đơn vị sử dụng các nguồn vốn này trong tổng số kế hoạch đã được phê duyệt;

b) Bổ sung danh mục dự án đã có trong danh mục dự án đầu tư trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư, nhưng chưa được giao kế hoạch tại Khoản 6, Điều 43 của Nghị định này trong tổng mức vốn của từng đơn vị sử dụng đã được Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.

7. Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị sử dụng các nguồn vốn này trong tổng mức vốn của từng đơn vị sử dụng đã

được Hội đồng nhân dân các cấp quyết định;

b) Báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp việc điều chỉnh kế hoạch của các đơn vị tại kỳ họp gần nhất.

Điều 52. Trình tự lập, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội

1. Thủ tướng Chính phủ giao:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 50 của Nghị định này báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

b) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, ngành trung ương và địa phương xác định khả năng cân đối thu, chi ngân sách nhà nước, khả năng huy động vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ trong trung hạn và hằng năm điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 50 của Nghị định này báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh báo cáo Chính phủ thảo luận dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ.

3. Căn cứ ý kiến của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ báo cáo Quốc hội dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ điều chỉnh.

4. Căn cứ dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh, trong vòng 10 ngày kể từ ngày Chính phủ trình Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho các bộ, ngành trung ương và địa phương dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh.

5. Các bộ, ngành trung ương và địa phương dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh, gồm danh mục và mức vốn thực hiện theo

quy trình tại các khoản 4 và 5, Điều 27 và các khoản 4 và 5, Điều 42 của Nghị định này gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo thời gian quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Rà soát, tổng hợp và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh thực hiện theo quy trình quy định tại các khoản 6, 7 và 8, Điều 27 và các khoản 6, 7 và 8, Điều 42. Thời gian rà soát, tổng hợp và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 53. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Căn cứ tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ của các bộ, ngành trung ương và địa phương; trường hợp cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ của các bộ, ngành trung ương và địa phương trong tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm đã được Quốc hội thông qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ giữa các bộ, ngành trung ương và địa phương.

3. Căn cứ ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh cho các bộ, ngành trung ương và địa phương thực hiện.

Trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thống nhất với dự kiến kế hoạch điều chỉnh của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 54. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Căn cứ đề xuất của các bộ, ngành trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định:

a) Kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình của các bộ, ngành và địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Kế hoạch đầu tư trung hạn điều chỉnh vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các bộ, ngành trung ương và địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

c) Kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài trong nội bộ các cơ quan chủ quản;

d) Kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương và địa phương;

đ) Kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

2. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho các bộ, ngành trung ương và địa phương kế hoạch đầu tư điều chỉnh.

3. Các bộ, ngành trung ương và địa phương thông báo cho các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư điều chỉnh.

Điều 55. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư

1. Đối với kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ

nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì dự kiến điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư trong các trường hợp quy định tại các khoản 4 và khoản 5, Điều 50 của Nghị định này báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Sở Tài chính chủ trì xác định khả năng cân đối thu, chi ngân sách địa phương, khả năng huy động vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư trong các trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều 50 của Nghị định này báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thảo luận dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư.

c) Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo:

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh theo quy định tại Khoản 4, Điều 50 của Nghị định này;

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh theo quy định tại Khoản 5, Điều 50 của Nghị định này.

d) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, trong vòng 10 ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh cho các đơn vị thực hiện.

2. Đối với kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân

đổi ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã

a) Ủy ban nhân cấp huyện, cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư chuẩn bị báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh theo quy định tại Khoản 5, Điều 50 của Nghị định này.

b) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân, trong vòng 5 ngày làm việc Ủy ban nhân dân các cấp giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh cho các đơn vị thực hiện.

3. Đối với kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, thẩm định và tổng hợp đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư của các đơn vị báo cáo Ủy ban nhân cấp tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua kế hoạch điều chỉnh theo quy định tại Khoản 5, Điều 50 của Nghị định này;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh cho các đơn vị thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua.

4. Đối với kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

a) Ủy ban nhân cấp huyện, cấp xã hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư chuẩn bị báo cáo kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh theo quy định tại Khoản 5, Điều 50 của Nghị định này.

b) Ủy ban nhân cấp huyện, cấp xã xem xét, thông qua kế hoạch điều chỉnh;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm điều chỉnh cho các đơn vị thực hiện trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thông qua.

Điều 56. Thời gian đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Chính phủ:

a) Trình Quốc hội điều chỉnh tổng thể kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại các Khoản 1, Điều 50 của Nghị định này vào Kỳ họp cuối năm của năm thứ ba kế hoạch đầu tư trung hạn sau khi đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn quy định tại Điều 67 của Nghị định này (nếu cần thiết);

b) Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội kế hoạch đầu tư trung hạn điều chỉnh vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ giữa các bộ, ngành trung ương và địa phương theo quy định tại các Khoản 2, Điều 50 của Nghị định này từ năm thứ hai của kế hoạch đầu tư trung hạn (nếu cần thiết).

2. Các bộ, ngành trung ương, địa phương và các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh:

a) Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ theo quy định tại các điểm b, c, Khoản 3, Điều 50 của Nghị định này sau khi đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn quy định tại Điều 67 của Nghị định này (nếu cần thiết);

b) Bổ sung danh mục các dự án khẩn cấp và một số dự án quan trọng cấp bách khác có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của các cấp, các ngành từ năm thứ hai của kế hoạch đầu tư trung hạn hoặc sau khi đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn, nhưng không vượt quá mức dự phòng theo quy định tại Khoản 7, Điều 10 của Nghị định này;

c) Bổ sung danh mục các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ khi ký kết thêm Điều ước quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu

đãi với các nhà tài trợ nước ngoài trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh tổng thể kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại các Khoản 4, Điều 50 của Nghị định này vào kỳ họp gần nhất và vào kỳ họp cuối năm năm thứ ba của kế hoạch đầu tư trung hạn sau khi đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn quy định tại Điều 67 của Nghị định này (nếu cần thiết).

4. Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp:

a) Kế hoạch đầu tư công trung hạn điều chỉnh vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương giữa các đơn vị theo quy định tại các Khoản 2, Điều 50 của Nghị định này từ năm thứ hai của kế hoạch đầu tư trung hạn và vào kỳ họp cuối năm năm thứ ba của kế hoạch đầu tư trung hạn sau khi đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn quy định tại Điều 67 của Nghị định này (nếu cần thiết);

b) Bổ sung danh mục các dự án khẩn cấp và một số dự án quan trọng cấp bách có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương từ năm thứ hai của kế hoạch đầu tư trung hạn hoặc sau khi đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn, nhưng không vượt quá mức dự phòng theo quy định tại Khoản 7, Điều 10 của Nghị định này;

c) Bổ sung danh mục các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ khi địa phương ký kết thêm Điều ước quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu đãi với các nhà tài trợ nước ngoài trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Điều 57. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

1. Đối với dự án bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước:

a) Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước đến hết ngày 31 tháng 12 năm đầu tiên của kế hoạch đầu tư

công trung hạn giai đoạn sau;

b) Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm được kéo dài đến hết ngày 31 tháng 12 năm sau năm kế hoạch. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kéo dài thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư hằng năm của từng dự án sang các năm sau, nhưng không quá thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại Điểm a Khoản này.

2. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:

a) Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo Điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi ký kết với nhà tài trợ nước ngoài;

b) Phần vốn nước ngoài trong kế hoạch đầu tư công hằng năm được phép giải ngân theo tiến độ thực hiện và tiến độ cấp vốn của nhà tài trợ nước ngoài.

3. Đối với dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư, thời gian giải ngân kế hoạch theo kỳ hạn vốn vay.

Mục 2

THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, THANH TRA KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 58. Theo dõi, kiểm tra kế hoạch đầu tư công

1. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức theo dõi, kiểm tra kế hoạch đầu tư công thuộc cơ quan, đơn vị quản lý theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và quy định của pháp luật.

2. Nội dung theo dõi, kiểm tra kế hoạch đầu tư công bao gồm:

- a) Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư công;
- b) Việc lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công;
- c) Việc lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các chương trình, dự án được bố trí trong kế hoạch đầu tư công;
- d) Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công;
- đ) Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản, lãng phí, thất thoát trong đầu tư

công.

Điều 59. Theo dõi, kiểm tra chương trình, dự án

1. Cơ quan chủ quản, chủ chương trình và chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình đầu tư chương trình, dự án theo nội dung và các chỉ tiêu đã được phê duyệt nhằm bảo đảm mục tiêu và hiệu quả đầu tư.

2. Việc kiểm tra chương trình, dự án thực hiện như sau:

a) Chủ chương trình và chủ đầu tư kiểm tra chương trình, dự án được giao quản lý;

b) Cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư tổ chức kiểm tra ít nhất một lần đối với các chương trình, dự án có thời gian thực hiện trên 12 tháng;

c) Cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư tổ chức kiểm tra khi điều chỉnh chương trình, dự án làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư và trường hợp cần thiết khác;

d) Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công quyết định tổ chức kiểm tra chương trình, dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất.

Điều 60. Theo dõi tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

1. Các bộ, ngành trung ương căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức theo dõi tình hình thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của bộ, ngành phụ trách và gửi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức và hướng dẫn các sở ban, ngành, các cấp theo dõi tình hình thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương. Các sở ban, ngành và các cấp thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

3. Bộ Tài chính định kỳ 6 tháng, hằng năm, giữa kỳ và cả giai đoạn báo cáo tình hình giải ngân các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn đầu tư công khác gửi Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Áp dụng hệ thống tin học hóa thống nhất trên cả nước theo dõi tình hình thực hiện và giải ngân các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Điều 61. Báo cáo và cung cấp các thông tin cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Các bộ, ngành trung ương và địa phương chịu trách nhiệm báo cáo và cung cấp các thông tin sau cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

1. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giữa kỳ và cuối kỳ.

2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm theo quý và cả năm.

3. Các thông tin khác phục vụ cho việc lập, theo dõi và đánh giá kế hoạch công trung hạn và hằng năm của quốc gia, của bộ, ngành trung ương và địa phương.

Điều 62. Báo cáo, cung cấp thông tin và thời gian báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn của các cấp, các ngành ở địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị quyết định, các văn bản của tỉnh quy định việc báo cáo, cung cấp thông tin và thời gian báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của các cấp, các ngành và ủy ban nhân dân cấp dưới phù hợp với các quy định theo dõi, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm của Nghị định này và yêu cầu quản lý, điều hành kế hoạch của địa phương.

2. Các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân cấp dưới thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 63. Đánh giá kế hoạch đầu tư công

1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn được đánh giá giữa kỳ và khi kết thúc kế hoạch.

2. Kế hoạch đầu tư công hằng năm được đánh giá định kỳ hằng quý và hằng năm.

3. Nội dung đánh giá kế hoạch đầu tư công:

a) Mức độ đạt được so với kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tác động của kế hoạch đầu tư công trong việc thu hút đầu tư từ các nguồn vốn khác và kết quả phát triển kinh tế - xã hội;

c) Tính khả thi của kế hoạch đầu tư công;

d) Tình hình quản lý đầu tư công;

đ) Các tồn tại, hạn chế; nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện kế hoạch đầu tư công và các giải pháp xử lý.

Điều 64. Đánh giá chương trình, dự án

1. Đánh giá chương trình, dự án bao gồm:

a) Đánh giá ban đầu khi xây dựng chương trình, dự án;

b) Đánh giá giữa kỳ cùng thời điểm đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn;

c) Đánh giá giai đoạn, đánh giá kết thúc, đánh giá tác động sau khi hoàn thành giai đoạn hoặc kết thúc chương trình, dự án;

d) Đánh giá đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Đối với chương trình đầu tư công, phải thực hiện đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn, đánh giá kết thúc và đánh giá tác động.

3. Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A phải thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc và đánh giá tác động.

4. Đối với dự án nhóm B, nhóm C phải thực hiện đánh giá kết thúc và đánh giá tác động.

5. Ngoài các quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này, cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công quyết định thực hiện đánh giá khác quy định tại Khoản 1 Điều

này khi cần thiết.

Điều 65. Nội dung đánh giá chương trình, dự án

1. Nội dung đánh giá ban đầu bao gồm:

a) Công tác chuẩn bị, tổ chức, huy động các nguồn lực để thực hiện chương trình, dự án bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ đã được phê duyệt;

b) Những vướng mắc, phát sinh mới xuất hiện so với thời điểm phê duyệt chương trình, dự án;

c) Đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Nội dung đánh giá giữa kỳ hoặc đánh giá giai đoạn bao gồm:

a) Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình, dự án so với mục tiêu đầu tư;

b) Mức độ hoàn thành khối lượng công việc đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch được phê duyệt;

c) Đề xuất các giải pháp cần thiết, kể cả việc điều chỉnh chương trình, dự án.

3. Nội dung đánh giá kết thúc bao gồm:

a) Quá trình thực hiện chương trình, dự án: hoạt động quản lý thực hiện chương trình, dự án; kết quả thực hiện các mục tiêu của chương trình, dự án; các nguồn lực đã huy động; các lợi ích do chương trình, dự án mang lại cho những đối tượng thụ hưởng; các tác động, tính bền vững của chương trình, dự án;

b) Bài học rút ra sau quá trình thực hiện chương trình, dự án và đề xuất các khuyến nghị cần thiết; trách nhiệm của các tổ chức tư vấn, cơ quan chủ quản, chủ chương trình, chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Nội dung đánh giá tác động của chương trình, dự án bao gồm:

a) Thực trạng kinh tế - kỹ thuật vận hành;

b) Tác động kinh tế - xã hội;

c) Tác động môi trường, sinh thái;

d) Tính bền vững của dự án;

đ) Bài học rút ra từ chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện, vận hành chương trình, dự án; trách nhiệm của các tổ chức tư vấn, cơ quan chủ quản, chủ chương trình, chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Nội dung đánh giá đột xuất bao gồm:

a) Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình, dự án đến thời điểm đánh giá so với mục tiêu đầu tư;

b) Mức độ hoàn thành khối lượng công việc đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch được phê duyệt;

c) Xác định những phát sinh ngoài dự kiến (nếu có) và nguyên nhân phát sinh ngoài dự kiến và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

d) Ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của những phát sinh ngoài dự án đến việc thực hiện chương trình, dự án, khả năng hoàn thành các mục tiêu của chương trình, dự án;

đ) Đề xuất các giải pháp cần thiết.

Điều 66. Đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia định kỳ 6 tháng, hằng năm, giữa kỳ và cả giai đoạn báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Các bộ, ngành trung ương đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Chính phủ giao và kế hoạch do bộ, ngành trung ương quản lý định kỳ 6 tháng, hằng năm, giữa kỳ và cả giai đoạn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương định kỳ 6 tháng, hằng năm, giữa kỳ và cả giai đoạn; đối với các khoản hỗ trợ có mục tiêu tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch gắn với các mục tiêu đề ra gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 67. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Trước ngày 31 tháng 3 năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn.

2. Căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, trong vòng 15 ngày, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, ngành trung ương và địa phương về yêu cầu, nội dung, thời gian và tiến độ đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn.

3. Căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trước ngày 30 tháng 4 năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn:

a) Các bộ, ngành trung ương giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư chuẩn bị và trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị trực thuộc, đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn của đơn vị hoặc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn điều chỉnh (nếu thấy cần thiết);

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị và trình cấp có thẩm quyền ban hành Chỉ thị về đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm: đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn; Đánh giá khả năng cân đối nguồn thu cân đối ngân sách địa phương; Đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn; Kế hoạch đầu tư công trung hạn điều chỉnh (nếu thấy cần thiết).

4. Các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy trình lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn tại các điều 25 và 26 của Nghị định này gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính báo cáo đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn giữa kỳ trước ngày 31 tháng 7 năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

5. Trước ngày 31 tháng 8 năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định kế hoạch đầu tư và phương án phân bổ vốn:

a) Kế hoạch đầu tư trung hạn điều chỉnh vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành trung ương;

b) Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi từ các nhà tài trợ nước ngoài của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Trên cơ sở ý kiến thẩm định về kế hoạch đầu tư công trung hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh báo cáo đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn của bộ, ngành trung ương và địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 9 năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

7. Trước ngày 20 tháng 9 năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn báo cáo Chính phủ.

8. Trước ngày 5 tháng 10 năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Chính phủ thảo luận báo cáo đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn, gồm:

a) Kế hoạch đầu tư điều chỉnh vốn ngân sách nhà nước, trong đó: chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương điều chỉnh;

b) Kế hoạch đầu tư điều chỉnh vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước;

c) Kế hoạch đầu tư điều chỉnh vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ;

d) Kế hoạch đầu tư điều chỉnh vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

đ) Kế hoạch đầu tư điều chỉnh vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh và báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định:

a) Kế hoạch đầu tư trung hạn điều chỉnh vốn ngân sách nhà nước, trong đó: chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương; Kế hoạch đầu tư trung hạn điều chỉnh vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ; Kế hoạch đầu tư trung hạn điều chỉnh vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trước ngày 10 tháng 10 năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn;

User 1/12/2015 8:54 PM

Deleted: 9

b) Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước; Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước trước ngày 15 tháng 11 năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

10. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ tại Điểm a, Khoản 9 Điều này trước ngày 20 tháng 10 năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh và thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ báo cáo Quốc hội kế hoạch đầu tư trung hạn điều chỉnh vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ.

Điều 68. Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Các chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm chịu sự giám sát của cộng đồng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng.

2. Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng:

a) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường;

b) Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định canh, định cư bảo đảm quyền lợi của nhân dân;

c) Các chương trình, dự án sử dụng một phần vốn đóng góp của người dân;

d) Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án;

đ) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong đầu tư công theo quy định của pháp luật;

e) Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án; những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án.

Điều 69. Trình tự, thủ tục, quy trình giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan:

a) Lập kế hoạch giám sát đầu tư của cộng đồng đối với chương trình,

User 1/12/2015 8:55 PM

Deleted: năm

dự án hằng năm trên địa bàn theo các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 68 của Nghị định này;

b) Thành lập Ban giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án;

c) Thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư và Ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch giám sát và thành phần Ban giám sát đầu tư của cộng đồng chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện.

2. Chủ chương trình, chủ đầu tư và Ban Quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện chương trình, dự án cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện việc giám sát theo quy định của pháp luật;

c) Tiếp thu ý kiến giám sát và tăng cường các biện pháp thực hiện dự án.

Điều 70. Tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án

1. Chủ chương trình và chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra và đánh giá ban đầu, giữa kỳ và kết thúc chương trình, dự án.

2. Cơ quan chủ quản, người quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra và đánh giá tác động, đánh giá đột xuất chương trình, dự án được giao quản lý.

3. Cơ quan, tổ chức thực hiện đánh giá tự thực hiện hoặc thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn có đủ điều kiện, năng lực để đánh giá.

Điều 71. Thanh tra đầu tư công

1. Hoạt động thanh tra việc lập, theo dõi và đánh giá điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thanh tra hoạt động đầu tư công phải gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ thanh tra của các cơ quan, tổ chức và phải đúng trình tự, thủ tục thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra.

3. Kết luận thanh tra về hoạt động lập, theo dõi và đánh giá điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm được công khai theo quy định của pháp luật. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư công, cơ quan thanh tra xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

Chương IV
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM
CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG
LẬP, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 72. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ

1. Thống nhất quản lý nhà nước về lập, theo dõi, đánh giá và điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Ban hành văn bản pháp luật về quản lý quản lý, điều hành kế hoạch đầu tư công.

3. Trình Quốc hội quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia.

4. Lập và trình Quốc hội quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (nếu thấy cần thiết).

5. Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

6. Báo cáo Quốc hội về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia.

Điều 73. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ

1. Ban hành Chỉ thị, quyết định, văn bản pháp luật lập, điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

3. Ban hành quyết định về các nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn.

4. Tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ.

5. Quyết định và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc lập, theo dõi, đánh giá và điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của các bộ, ngành trung ương và địa phương; kiểm tra việc lập, theo dõi, đánh giá thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, chính sách đầu tư công của các địa phương.

Điều 74. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Tham mưu cho Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Trình Chính phủ dự thảo các văn bản pháp luật về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

3. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ; xác định khả năng cân đối vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia và trái phiếu Chính phủ theo ngành, lĩnh vực, chương trình thuộc nhiệm vụ Trung ương quản lý; khả năng cân đối vốn cho các bộ, ngành và địa phương.

4. Ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn các bộ, ngành trung ương và địa phương về lập, triển khai, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; bao gồm: quy trình và nội dung lập, triển khai thực hiện, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; cơ chế và nội dung tham vấn; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; ứng trước kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành trung ương và địa phương trong việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo ngành, lĩnh vực và các chương trình mục tiêu.

5. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương và ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch và theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

6. Trình Chính phủ dự thảo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia trong trường hợp cần thiết.

7. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của các bộ, ngành trung ương và địa phương.

8. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương và ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng hệ thống công nghệ thông tin thu thập tình hình thực hiện các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

9. Tổng hợp báo cáo đánh giá kế hoạch đầu tư trung hạn hằng năm; báo cáo đánh giá giữa kỳ và cả giai đoạn kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp quốc gia.

10. Hướng dẫn và tham gia tổ chức đào tạo cán bộ, tăng cường năng lực lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

11. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của các bộ, ngành trung ương, địa phương.

Điều 75. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Dự kiến khả năng cân đối thu chi ngân sách nhà nước trong trung hạn và hằng năm. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước và khả năng huy động các nguồn vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn đầu tư công khác trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch đầu tư hằng năm.

2. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập, theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc thanh, quyết toán các dự án sử dụng vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. Cấp phát, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công theo đúng quy định của pháp luật.

4. Báo cáo tình hình giải ngân các dự án đầu tư sử dụng vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm định kỳ hàng tháng, hàng quý, hằng năm; giữa kỳ và cả giai đoạn kế hoạch đầu tư công trung hạn và các báo cáo đột xuất khác.

Điều 76. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các bộ, ngành trung ương

1. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm do bộ, ngành trung ương trực tiếp quản lý và các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao.

2. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia.

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của các bộ, ngành trung ương trực tiếp quản lý.

4. Tổ chức theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm do bộ, ngành trung ương trực tiếp quản lý và các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Chính phủ giao.

5. Báo cáo định kỳ hàng quý, năm, giữa kỳ, cả giai đoạn kế hoạch đầu tư công trung hạn tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm do bộ, ngành trung ương trực tiếp quản lý và các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Chính phủ giao và các báo cáo khác theo yêu cầu của Chính phủ.

6. Kiểm tra, giám sát việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo ngành, lĩnh vực trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật và của các đơn vị trực thuộc.

Điều 77. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

1. Hội đồng nhân dân các cấp có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn cân đối ngân sách địa phương của cấp mình theo quy định của pháp luật và phù hợp với mục tiêu và đặc điểm phát triển của địa phương; quyết định điều chỉnh tổng thể kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn cân đối ngân sách địa phương, vốn đầu tư công do địa phương của cấp mình quản lý trong trường hợp cần thiết; quyết định các giải pháp huy động các nguồn vốn khác để thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình;

b) Xem xét, có ý kiến trước khi Ủy ban nhân dân các cấp gửi các cơ quan cấp trên kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn vốn đầu tư

công trung hạn và hằng năm do cấp trên quản lý, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án;

c) Quyết định hoặc giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

d) Giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của cấp mình.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp quản lý nhà nước và nội dung lập, theo dõi và đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho các cấp phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương.

Điều 78. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện quản lý nhà nước về lập, điều hành theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

a) Xem xét, có ý kiến về kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án;

b) Quyết định kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư.

3. Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương báo cáo kết quả thực hiện lên Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên trực tiếp.

4. Tổ chức tham vấn lấy ý kiến của các tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư về kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương.

5. Tổ chức theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương;

báo cáo định kỳ tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư hàng quý, năm, giữa kỳ, cả giai đoạn kế hoạch đầu tư công trung hạn và các báo cáo đột xuất khác.

6. Quy định cơ chế phối hợp giữa các ngành, các cấp của địa phương trong việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương.

7. Phối hợp với bộ, cơ quan trung ương tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh.

Điều 79. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

1. Tổ chức lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thuộc cấp mình quản lý.

2. Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp Quyết định kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương và vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã.

Đối với các ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã không có Hội đồng nhân dân cùng cấp là một đơn vị dự toán ngân sách nhà nước cấp trên trình kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của cấp mình cho Ủy ban nhân dân cấp trên để tổng hợp chung trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Ủy ban nhân dân cấp trên.

3. Tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án và các nhiệm vụ quản lý nhà nước khác về đầu tư công theo phân cấp quản lý.

4. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án trên địa bàn.

5. Phối hợp với các cơ quan nhà nước ở cấp trên trong việc lập, theo dõi và đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm trên địa bàn.

Điều 80. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập và dự thảo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương phù hợp với kế hoạch đầu

tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia, của các ngành, lĩnh vực và đặc điểm, điều kiện cụ thể và khả năng cân đối nguồn vốn của địa phương; kiến nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của tỉnh trong trường hợp cần thiết.

2. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai và điều hành thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của tỉnh. Đề xuất các giải pháp huy động các nguồn vốn để thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

3. Theo dõi, đánh giá việc thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; báo cáo định kỳ tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định các quy chế phối hợp giữa các ngành, các cấp của địa phương trong việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm ở địa phương.

5. Thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án đầu tư sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương và vốn đầu tư công do địa phương quản lý.

6. Phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp trên trong quá trình lập và triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương.

Điều 81. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự kiến khả năng cân đối trung hạn và hằng năm thu, chi ngân sách địa phương, các khoản thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương.

2. Xác định vốn đầu tư trong cân đối ngân sách trung hạn và hằng năm của địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Theo dõi, đánh giá việc giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương; báo cáo định kỳ tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương cho

Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 82. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ

Chủ trì, phối hợp với thanh tra các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các bộ, ngành trung ương liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Điều 83. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Chủ trì tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng các kế hoạch chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại Điều 68 của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 84. Trách nhiệm, nghĩa vụ của các tổ chức, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công

1. Lập, tổ chức triển khai thực hiện và quản lý kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của đơn vị phù hợp với các mục tiêu quy hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực và dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác. Sử dụng vốn đầu tư công đúng mục tiêu, nhiệm vụ và chế độ chính sách của nhà nước, đảm bảo sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư.

2. Báo cáo tình hình thực hiện các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của đơn vị theo chế độ quy định.

Điều 85. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến thẩm định kế hoạch

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến thẩm định kế hoạch thực hiện việc thẩm định theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định và những kiến nghị của mình.

2. Việc thẩm định cần bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan, tuân thủ quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp thẩm định sai thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 86. Quyền và trách nhiệm của chủ chương trình, chủ đầu tư trong quản lý, thực hiện chương trình, dự án

1. Tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng.

2. Báo cáo việc thực hiện chương trình, dự án theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp để xảy ra thất thoát, lãng phí thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 87. Quyền và trách nhiệm của Ban Quản lý chương trình, dự án

1. Đề xuất các phương án, giải pháp và tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng theo ủy quyền của chủ chương trình, chủ đầu tư.

2. Báo cáo chủ chương trình, chủ đầu tư về tình hình triển khai thực hiện chương trình, dự án.

3. Trường hợp để xảy ra thất thoát, lãng phí thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 88. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện theo dõi, đánh giá và kiểm tra kế hoạch

1. Người đứng đầu bộ, ngành trung ương và địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, chủ chương trình, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về hậu quả do không tổ chức thực hiện theo dõi, đánh giá, kiểm tra chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc không báo cáo theo quy định.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, bao gồm: chương trình, dự án phải chịu trách nhiệm về nội dung các báo cáo của mình.

3. Chủ chương trình, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật do báo cáo, cung cấp thông

tin không chính xác về tình hình thực hiện chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi quản lý.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có hành vi che giấu vi phạm hoặc hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 89. Trách nhiệm, nghĩa vụ của các tổ chức khác và cá nhân có liên quan đến việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

1. Tham gia, đề xuất và giám sát việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định của pháp luật.

2. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện các dự án hoặc các nội dung có liên quan đến kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thuộc lĩnh vực phụ trách hoặc được phân công thực hiện.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu hoặc đóng góp các ý kiến liên quan tới nội dung lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm phải cung cấp đầy đủ, kịp thời và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Chương V

KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 90. Kiểm tra việc chấp hành lập, theo dõi và đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành công tác lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của các bộ, ngành trung ương và địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra việc chấp hành lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của các cấp, các ngành ở địa phương.

3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan kế hoạch đầu tư, các cơ quan, đơn vị liên quan đến kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm có trách nhiệm kiểm tra việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn của đơn vị mình và các đơn vị cấp dưới.

Điều 91. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các bộ, ngành trung ương và địa phương chấp hành nghiêm túc công tác lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm được xem xét ưu tiên trong việc bổ sung các nguồn vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương trong các kế hoạch đầu tư hằng năm.

2. Các tổ chức, cá nhân chấp hành nghiêm túc công tác lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư hằng năm và đề xuất các chính sách quản lý lập, theo dõi và đánh giá thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đem lại hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, của ngành, lĩnh vực và của địa phương thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 92. Xử lý vi phạm

1. Các bộ, ngành trung ương và địa phương chưa chấp hành tốt các quy định lập, tổ chức thực hiện, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm tùy theo mức độ thực hiện, không được bổ sung các nguồn vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương trong các kế hoạch đầu tư hằng năm; không được nhận các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng trong năm và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm để xét hình thức xử lý kỷ luật.

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lập, theo dõi, đánh giá và điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm tùy theo tính chất, mức độ vi phạm gây ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, ngành, lĩnh vực có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 93. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2015.

Điều 94. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính Phủ;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng